

Bản án số: 74/2017/HSST

Ngày 26 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Quốc Quân

Ông Nguyễn Đức Việt

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy - Thư ký tòa án

Đại diện VKSND Huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương
- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2017/HSST ngày 13/4/2017 đối với các bị cáo sau:

1. Trần Văn H. Tên gọi khác : Không. Sinh ngày 17.3.1995. Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Trần Văn H1, sinh năm 1970. Con bà Bùi Thị H2, sinh năm 1977. Hiện cả hai đang cư trú và trồng trọt tại Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S. Tên gọi khác : Không. Sinh ngày 18.10.1997. Nguyên quán: Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn : 09/12

Con ông: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1978. Con bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1974. Hiện đang cư trú và trồng trọt tại Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Mai Văn L. Tên gọi khác : Không. Sinh ngày 28.5.1994. Nguyên quán: Huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tiểu khu C, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn : 12/12

Con ông: Mai Văn L1, sinh năm 1966. Con bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966. Hiện cả hai đang cư trú và trồng trọt tại tiểu khu C, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Tùng A. Tên gọi khác : Không. Sinh ngày 06.02.1991. Nguyên quán: Xã Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn : 09/12

Con ông: Trần Văn A1, sinh năm 1965. Con bà Hoàng Thị A2, sinh năm 1965. Cả hai là giáo viên, hiện trú tại Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

- **Chu Đình D.** Sinh năm 1972. Trú quán: Tiểu khu C, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- **Trần Văn E.** Sinh năm 1942. Trú quán: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Nguyễn Xuân F.** Sinh năm 1958. Trú quán: Tiểu khu G, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- **Nguyễn Văn S1.** Sinh năm 1978. Trú quán: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Mai Văn L1.** Sinh năm 1966. Trú quán: Tiểu khu C, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Bùi Thị H2.** Sinh năm 1977. Trú quán: Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L, Trần Tùng A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10.4.2016, Trần Văn H điều khiển xe nhãn hiệu ZENITH kiểu dáng Dream, biển kiểm soát 26F1- 9679 chở Nguyễn Văn S, Trần Tùng A và Mai Văn L đi từ thị trấn I, huyện Mai Sơn về nhà ở Tiểu khu C, xã B,

huyện Mai Sơn và Bản K, xã B, huyện Mai Sơn. Khi đi đến Tiểu khu C, xã B, huyện Mai Sơn, H, Nguyễn Văn S, Trần Tùng A và L nhìn thấy 01 con bò đực lông vàng đen của gia đình Chu Đình D đang buộc tại cột điện giáp lề đường bên phải. H tiếp tục điều khiển xe đi đến cổng nhà Mai Văn L thì L xuống xe đi về nhà (cách vị trí buộc bò khoảng 80m), còn Nguyễn Văn S, Trần Tùng A và Trần Văn H tiếp tục đi về hướng Bản K, xã B, đến cổng nhà Trần Tùng A, H dừng xe, Trần Tùng A có nói với H và Nguyễn Văn S “có quay lại dắt con bò không để tôi còn về đi ngủ”, H và S hiểu Trần Tùng A rủ trộm con bò của gia đình D, Nguyễn Văn S, Trần Văn H đồng ý.

Trần Tùng A điều khiển xe máy chở H và Nguyễn Văn S quay lại, trên đường đi H gọi điện rủ Mai Văn L tham gia trộm bò, Mai Văn L đồng ý và đi ra cổng đứng đợi, khi H, Trần Tùng A và Nguyễn Văn S đi xe máy đến đã thấy L đang đứng đợi ở cổng. H và L đi bộ đến vị trí đang buộc con bò, còn Trần Tùng A và Nguyễn Văn S đứng ở cổng vào nhà L. Đến nơi H dùng tay cởi dây thừng buộc trên cột điện, L cầm dây thừng dắt con bò đi về hướng Bản K, xã B, H đi phía sau. Khoảng 15 phút sau H gọi điện cho Trần Tùng A và bảo Trần Tùng A và Nguyễn Văn S đi ra ngã ba rẽ vào đường thuộc tiểu khu M chờ. Khoảng 20 phút sau L và H dắt bò ra đến nơi Trần Tùng A và Nguyễn Văn S chờ, H và L giao bò cho Nguyễn Văn S và Trần Tùng A dắt, còn H và L ngồi trên xe máy khoảng 15 phút sau H điều khiển xe máy chở L ngồi phía sau đi về phía bản K đến đỉnh dốc bản N, xã B thì theo kịp Trần Tùng A và Nguyễn Văn S. Đến khu vực bản P, xã B H bảo Trần Tùng A và Nguyễn Văn S đưa L về nhà, Trần Tùng A điều khiển xe máy chở L và Nguyễn Văn S đến cổng nhà L thì L xuống xe về nhà ngủ, còn Trần Tùng A điều khiển xe máy chở Nguyễn Văn S đi về hướng Bản K, xã B. Khi H dắt bò đến cổng nhà H thì Trần Tùng A và Nguyễn Văn S quay lại, H cùng với Nguyễn Văn S và Trần Tùng A cùng dắt bò lên nương ngô đã thu hoạch phía sau nhà H buộc vào một gốc cây, sau đó H, Nguyễn Văn S, Trần Tùng A về nhà ngủ.

Khoảng 08 ngày 11.4.2016, H gọi điện thoại cho L bảo vào dắt bò đi bán, L điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 26K1- 100.90 đi đến nhà H, gặp H đang ở nhà một mình, H nói với L “con bò đang buộc ở trên đồi phía sau nhà”, L dựng xe máy ở sân nhà H rồi một mình đi lên đồi dắt con bò trộm cắp được ra đường tỉnh lộ 103 sau đó dắt con bò đi vào hướng bản Chi, xã Chiềng Lương, cách ngã ba bản Chi khoảng 400m thì L buộc con bò vào bụi tre gần đường. Khi L dắt bò đi thì H gọi điện cho Trần Tùng A hỏi chỗ bán bò, H nói với Trần Tùng A là L đã dắt bò đến đường rẽ vào bản Chi và đang đợi ở cạnh bụi tre đường đi vào bản Chi. Sau khi nhận được thoại của H thì Trần Tùng A đến nhà Bùi Văn Q, trú tại Bản K, xã B, huyện Mai Sơn để hỏi xem có ai mua bò không thì Q giới thiệu và cho Trần Tùng A số điện thoại của Nguyễn Xuân F, trú tại tiểu khu G, xã B là người chuyên mua bán trâu bò. Trần Tùng A đi bộ đến nhà Trần Văn H rồi bảo H chở đến gặp L, H điều khiển xe máy của L chở Trần Tùng A đến ngã ba đường rẽ đi bản Chi thì dừng lại, Sơn xuống xe đi bộ về hướng bản Chi, còn H điều khiển xe máy quay về nhà. Khi đi được khoảng 40m thì Trần Tùng A gặp L đang đứng ở đường, S gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân F, hỏi F có mua bò không, F đồng ý.

Khoảng 12 giờ cùng ngày thì F điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29C- 12463 cùng với cháu ngoại tên là Lê Văn F1 đi vào bản Chi, đến nơi gặp Trần Tùng A và Mai

Văn L, F và S thỏa thuận mua bò với giá 13.000.000VNĐ. Sau khi thỏa thuận xong F đưa cho S tiền và chở bò về nhà. Đến ngày 14.4.2016 F bán con bò cho một người nam giới (người buôn bán trâu bò, không xác định được nhân thân) với giá 14.000.000VNĐ. Sau khi bán được bò Sơn, H, L thống nhất chia tiền đã bán con bò trộm cắp được, cụ thể L được 3.300.000VNĐ, H được 3.300.000VNĐ, Trần Tùng A được 3.400.000VNĐ, Nguyễn Văn S được 2.000.000VNĐ, còn lại 1.000.000VNĐ H, L và Trần Tùng A đã tiêu sài chung hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 22 giờ ngày 03.01.2017, Trần Văn H điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA Dream, BKS: 26K1- 04280 (xe của gia đình Nguyễn Văn S) chở Nguyễn Văn S và Mai Văn L đi từ tiểu khu G1, xã B, huyện Mai Sơn về Bản K, xã B, huyện Mai Sơn, trên đường đi H rủ S và L đi trộm cắp trâu bán lấy tiền chia nhau tiêu tết, S và L đồng ý. Khi đi qua nhà Trần Văn E thấy có một con trâu đực, H nảy sinh ý định trộm cắp con trâu nên khoảng 21 giờ ngày 06.01.2017, H điện thoại cho Nguyễn Văn S rủ S xuống nhà đi trộm trâu, S đồng ý, sau đó S điều khiển xe đạp đi đến nhà H, H dắt xe đạp của S dựng cạnh chuồng trâu nhà H, sau đó H cầm theo 01 con dao nhọn, loại dao Thái Lan cùng S đi bộ theo đường tỉnh lộ 103 đến nhà ông E cách nhà H 200m. Trên đường đi S gọi điện thoại cho L và nói dừng ngủ tý nữa trộm được trâu H gọi đón, L đồng ý. Đến trước cổng nhà E, H bảo S đứng ở đường cảnh giới người, còn H chui qua bờ rào đi vào chuồng trâu nhà ông E, H dùng dao cắt đứt dây thừng buộc mũi trâu nhưng do thấy chó nhà ông E và chó của gia đình bên cạnh sủa nhiều, H sợ gia đình ông E phát hiện do vậy H chui qua hàng rào đi ra ngoài đường. H bảo S cùng đi xuống sân bóng cạnh đường ngồi đợi, khoảng 15 phút sau thấy chó không còn sủa nữa, H và S đi lên đường thì thấy con trâu nhà ông E đã đi ra khỏi chuồng và đang đứng ăn ở bụi cỏ cách chuồng trâu khoảng 5m, H đi đến dắt con trâu xuống sân bóng, H và S tiếp tục dắt trâu đi theo đường đồi vòng ra đường 103 ở khu vực bản P, xã B rồi dắt trâu đi theo đường 103 về hướng trung tâm xã B. Trên đường đi H gọi điện thoại cho L và nói đã trộm được trâu bảo L vào đón. L điều khiển xe nhãn hiệu HONDA Wave BLS 26K1- 10090 đi theo đường tỉnh lộ 103 về hướng xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, khi đến dốc thuộc bản N, xã B thì gặp H và S đang dắt trâu trộm cắp được, S bảo L điều khiển xe máy đi phía sau soi đèn cho S dắt trâu, còn H đi phía sau. Đi đến trung tâm tiểu khu G2, xã B do gặp nhiều người dân, sợ bị phát hiện nên S buộc trâu vào cột điện sát đường rồi lên ngồi phía sau xe máy, L điều khiển xe máy đi về hướng Trung tâm xã B khoảng 400m thì dừng lại. Khoảng 10 phút sau L điều khiển xe chở H và S quay lại vị trí buộc trâu thì thấy có 02 người ngồi trên xe máy gần đó nên L chở H và Sơn đi về bản K rồi L về nhà ngủ.

Sau khi các gia đình bị mất bò và trâu đã làm đơn trình báo. Qua điều tra xác minh ngày 07.01.2017, Công an huyện Mai Sơn đã triệu tập Trần Văn H, Nguyễn Văn S và Mai Văn L đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra H, Sơn, L đã khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản.

Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ vật chứng gồm: 01 con trâu đực lông màu xám, sừng dài khoảng 25cm; 01 đoạn dây thừng, loại dây gai, màu nâu dài 3,96 mét; 01 xe máy HONDA Wave màu sơn trắng, đen, bạc, BKS 26K1- 10090; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, vỏ màu xanh nước biển đã qua sử dụng; 01 con dao nhọn dài

21,5cm, lưỡi dao bằng kim loại, chuôi dao bằng nhựa màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu trắng đã qua sử dụng; 01 xe máy nhãn hiệu ZENTITH kiểm sáng Dream màu sơn nâu, BKS 26F1- 9679; 01 điện thoại hiệu OPPO F1 vỏ màu trắng hồng đã qua sử dụng; 01 xe đạp nhãn hiệu ASAMA màu xanh đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng.

Ngày 10.01.2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn tiến hành định giá 01 con trâu đực do Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L trộm cắp của gia đình ông Trần Văn E.

Ngày 11.01.2017 Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn ra văn bản kết luận số: 27 định giá tài sản 01 con trâu đực có trọng lượng 470kg mà Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L trộm cắp được có trị giá 37.600.000VNĐ.

Ngày 13.01.2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn tiến hành định giá 01 con bò do Trần Tùng A, Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L trộm cắp của gia đình ông Chu Đình D.

Ngày 14.01.2017 Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn ra văn bản kết luận số: 37 định giá tài sản 01 con bò có trọng lượng 170kg mà Trần Tùng A, Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L trộm cắp được có trị giá 13.600.000VNĐ.

Tại bản cáo trạng số: 36/KSĐT-KT ngày 13/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L về tội trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Tùng A về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình đó là ngày 06.01.2017 các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S và Mai Văn L đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 con trâu của gia đình Trần Văn E, sau khi bị Cơ quan công an phát hiện, các bị cáo đã tự khai nhận vào ngày 10.4.2016 các bị cáo còn cùng nhau trộm cắp 01 con bò của gia đình anh Chu Đình D. Các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình, đồng thời các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại gia đình.

Người bị hại Chu Đình D, Trần Văn E có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn xác nhận đã được nhận tài sản đã bị mất, nay không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Về hình phạt ông D và ông E đề nghị Tòa án xem xét xử phạt các bị cáo với mức án nhẹ nhất, được hưởng án treo vì tuổi đời các bị cáo còn trẻ, nhất thời phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Xuân F có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn trình bày khi mua bò của các bị cáo Trần Tùng A và Mai Văn L, ông F không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp, sau đó ông đã bán bò cho người khác không biết nhân thân. Nay ông F xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị H2, Mai Văn L1 đều đã được nhận lại vật chứng là xe máy nay không đề nghị gì. Đối với Ông Nguyễn Văn S1 đề nghị Tòa tuyên trả lại cho ông 01 xe đạp hiệu ASAMA đã bị thu giữ.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138, điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, Điều 53, khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 26 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

- Xử phạt bị cáo Mai Văn L từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Tùng A từ 12 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 32 tháng.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản sau: Trả cho người bị hại Trần Văn E 01 con trâu đực lông màu xám, sừng dài khoảng 25cm vào ngày 07.01.2017; trả lại cho Mai Văn L1 01 chiếc xe HONDA Wave, màu sơn trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 26K1- 10090; trả 01 xe máy nhãn hiệu ZENITH kiểu sáng Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 26F1- 9679.

Trả lại cho Nguyễn Văn S1 01 xe đạp màu xanh đen đã qua sử dụng nhãn hiệu ASAMA.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, loại dây gai, màu nâu dài 3,96 mét; 01 con dao nhọn (dao Thái Lan) dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chuôi dao bằng nhựa màu đen.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, vỏ màu xanh nước biển đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Mai Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen trắng kèm theo sim đã qua sử dụng thu giữ của Trần

Văn H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu trắng kèm theo sim thu giữ của Trần Tùng A, 01 điện thoại OPPO F1 kèm theo sim thu giữ của Nguyễn Văn S.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 604, Điều 608, 609 BLDS: Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường theo biên bản thỏa thuận ngày 14.01.2017 giữa gia đình các bị cáo và người bị hại Chu Đình D số tiền 13.000.000VNĐ và chấp nhận việc người bị hại ông Trần Văn E không đề nghị các bị cáo phải bồi thường về phần dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng điều 99 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, những người bị hại, lời khai của các bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của những người bị hại, các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L, Trần Tùng A đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể ngày 10/4/2016 các bị cáo Trần Tùng A, Trần Văn H, Nguyễn Văn S và Mai Văn L đã trộm cắp 01 con bò của gia đình anh Chu Đình D trị giá 13.600.000VNĐ. Sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo đã bán lấy tiền chia nhau, cụ thể L được 3.300.000VNĐ, H được 3.300.000VNĐ, Trần Tùng A được 3.400.000VNĐ và Nguyễn Văn S được 2.000.000VNĐ, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 01/01/2017 các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con trâu đực của gia đình ông Trần Văn E trị giá 37.600.000VNĐ, các bị cáo chưa tiêu thụ được tài sản trộm cắp đã bị Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ vật chứng.

Trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Lời khai nhận tội của các bị cáo đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới. Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản có tổng giá trị 51.200.000VNĐ, bị cáo Trần Tùng A trộm cắp tài sản có trị giá 13.600.000VNĐ, nên việc truy tố và xét xử các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L theo điểm e khoản 2 và bị cáo Trần Tùng A theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của những người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, dân sự. Nhận thức được việc làm đúng sai của bản thân. Nhưng do thiếu tu dưỡng rèn luyện bản thân, thích hưởng thụ mà không phải bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý thực hiện việc

phạm tội. Vì vậy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với từng hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là loại đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự cấu kết với nhau chặt chẽ mà nhất thời rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với việc thực hiện hành vi trộm cắp 01 con bò vào ngày 10.4.2016 bị cáo Trần Tùng A là người khởi xướng và rủ các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S và Mai Văn L trộm cắp tài sản, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi và trao đổi bán tài sản trộm cắp, nhận giá trị nhiều hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Văn H, Mai Văn L sau khi được đồng phạm rủ trộm cắp tài sản đã đồng tình ngay, là những người tham gia tích cực trong việc thực hiện tội phạm.

Trong hành vi trộm cắp tài sản là 01 con trâu vào ngày 06.01.2017, bị cáo Trần Văn H là người khởi xướng và rủ các bị cáo Nguyễn Văn S và Mai Văn L thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Do đó bị cáo đứng vai trò đầu trong vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn S và Mai Văn L khi được H rủ trộm cắp tài sản đã đồng tình ngay. Bị cáo Nguyễn Văn S thực hiện tích cực trong vụ án, đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo H dắt trâu ra khỏi nhà ông E và trực tiếp dắt trâu. Đối với bị cáo L mặc dù không trực tiếp tham gia trộm cắp nhưng sau khi Nguyễn Văn S gọi điện bảo L đến đón thì đã nhất trí và trực tiếp điều khiển xe máy soi đèn đề cùng với Sơn, H dắt trâu đi, do đó các bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trước lần phạm tội này các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S và Mai Văn L thực hiện hai lần hành vi trộm cắp, tổng trị giá tài sản của từng lần trộm cắp đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo sẽ bị cáo áp dụng tình tiết tăng nặng tách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS. Tuy nhiên trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã làm. Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Mai Văn L sau khi nhận tội về hành vi trộm cắp trâu của gia đình ông E, các bị cáo còn tự khai ra hành vi trộm cắp bò vào ngày 10.6.2016 của gia đình anh Chu Đình D, do đó các bị cáo sẽ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự thú quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS. Ngoài ra các bị cáo đã chủ động cùng với gia đình thỏa thuận bồi thường cho những người bị hại và được những người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Tùng A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Các chứng cứ còn thể hiện ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn

định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh xin được cải tạo, giáo dục tại địa phương, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo. Cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho các bị cáo được hưởng án treo giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đủ để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, xác định, các bị cáo không có tài sản riêng, đều sống phụ thuộc gia đình, không có nguồn thu nhập ổn định nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì nếu có áp dụng thì các bị cáo cũng không thể thi hành được.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản sau: Trả cho người bị hại Trần Văn E 01 con trâu đực lông màu xám, sừng dài khoảng 25cm vào ngày 07/01/2017; trả lại cho Mai Văn L1 01 chiếc xe HONDA Wave, màu sơn trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 26K1- 10090; trả cho bà Bùi Thị H2 01 xe máy nhãn hiệu ZENITH kiểu sáng Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 26F1- 9679.

Đối với tài sản là 01 xe đạp màu xanh đen đã qua sử dụng nhãn hiệu ASAMA thu giữ trong quá trình điều tra xác định là quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn S1 bị bị cáo Nguyễn Văn S, việc bị cáo sử dụng chiếc xe khi thực hiện hành vi trộm cắp ông Xạ không biết, do đó cần chấp nhận đề nghị của ông S1 về trả lại chiếc xe này.

Những vật chứng gồm 01 đoạn dây thừng, loại dây gai, màu nâu dài 3,96 mét; 01 con dao nhọn (dao Thái Lan) dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chuôi dao bằng nhựa màu đen. Xét thấy đây là những vật các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với những vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, vỏ màu xanh nước biển đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Mai Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen trắng đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Trần Văn H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu trắng kèm theo sim thu giữ của Trần Tùng A, 01 điện thoại OPPO F1 kèm theo sim của Nguyễn Văn S. Xét thấy đây là những vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi khởi tố vụ án, các bị cáo đã cùng với gia đình tự thỏa thuận thống nhất bồi thường thiệt hại cho những người bị hại vào ngày 14/01/2017, có lập biên bản thỏa thuận giữa các bên, cụ thể các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại Chu Đình D số tiền 13.000.000VNĐ. Người bị hại ông Trần Văn E đã nhận lại tài sản trộm cắp nên không đề nghị các bị cáo phải bồi thường về phần dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với Nguyễn Xuân F đã mua bò của Trần Tùng A và Mai Văn L với giá 13.000.000VNĐ, khi mua bò F không biết là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, do đó hành vi của F không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. F đã bán bò cho một người khác

không quen biết, Cơ quan điều tra không thu giữ được tài sản. Nay ông F không đề nghị các bị cáo trả lại tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định chung
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn S, Trần Tùng A, Mai Văn L phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 53, khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 26/7/2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 26/7/2017).

Xử phạt bị cáo Mai Văn L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 26/7/2017).

- Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 53, khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Tùng A 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 26/7/2017).

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương (UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41, điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản sau: Trả cho người bị hại Trần Văn E 01 con trâu đực lông màu xám, sừng dài khoảng 25cm vào ngày 07.01.2017; trả lại cho Mai Văn L 01 chiếc xe HONDA Wave, màu sơn trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 26K1- 10090; trả lại cho bà Bùi Thị H 01 xe máy nhãn hiệu ZENITH kiểu sáng Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 26F1- 9679.

Trả lại cho Nguyễn Văn S 01 xe đạp màu xanh đen đã qua sử dụng nhãn hiệu ASAMA.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, loại dây gai, màu nâu dài 3,96 mét; 01 con dao nhọn (dao Thái Lan) dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chuôi dao bằng nhựa màu đen.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, vỏ màu xanh nước biển đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Mai Văn L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen trắng đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Trần Văn H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu trắng kèm theo sim thu giữ của Trần Tùng A, 01 điện thoại oppo F1 kèm theo sim của Nguyễn Văn S.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 604, Điều 608, 609 BLDS: Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường theo biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2017 giữa gia đình các bị cáo và người bị hại Chu Đình D số tiền 13.000.000VNĐ và chấp nhận việc người bị hại ông Trần Văn E không đề nghị các bị cáo phải bồi thường về phần dân sự.

Về án phí: Áp dụng điều 99 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Thi hành án dân sự Mai Sơn;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Thịnh